

PHỤ LỤC I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDDT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HỒNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường mầm non Tuổi Hồng

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: 21 Yersin, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 38298761

Website: <https://mntuoihongql.hcm.edu.vn/>

Năm học 2024-2025 Trường Mầm non Tuổi Hồng tổ chức các hoạt động bao gồm: 02 điểm trường với 9 nhóm lớp, số học sinh là 148, cụ thể:

Nhóm - lớp	Số nhóm - lớp	Số học sinh
Nhóm 25 - 36 th	01	18
Lớp 3 - 4 tuổi	02	40
Lớp 4 - 5 tuổi	03	35
Lớp 5 - 6 tuổi	03	55
Tổng cộng	09	148

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Loại hình: Trường mầm non Tuổi Hồng

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Tầm nhìn:

Là một trong những mầm non chất lượng trên địa bàn quận, mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

Sứ mệnh:

Xây dựng môi trường học tập có nền nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

Hệ thống giá trị cơ bản:

Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung:

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với thể phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**Lịch sử hình thành:**

Quyết định số 1001/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 1979 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc thành lập trường Mẫu giáo phường Cầu Ông Lãnh.

Quyết định số 198/QĐ-UB ngày 21 tháng 8 năm 1990 quyết định của ủy ban đổi tên trường Mẫu giáo phường Cầu Ông Lãnh thành trường Mẫu giáo Tuổi Hồng trực thuộc Phòng Giáo dục Quận 1.

Quyết định số 445/QĐ-UB ngày 04 tháng 9 năm 1997 quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc sát nhập và đổi tên các đơn vị Mầm non Quận 1. Sát nhập Mẫu giáo Tuổi Hồng và Nhà trẻ Hoa Lan (Phường Cầu Ông Lãnh).

Quyết định số 112/QĐ-UB ngày 21 tháng 02 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc thành lập trường Mầm non Tuổi Hồng.

Quyết định số 1112/QĐ-UB ngày 02 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc chuyển trường Mầm non Tuổi Hồng trực thuộc Phòng Giáo dục – đào tạo Quận 1 về trực thuộc UBND Quận 1.

Quá trình phát triển:

Năm học 2022-2023 và 2023-2024 trường Mầm non Tuổi Hồng ổn định với quy mô 9 lớp, tổng số 25 giáo viên, nhân viên.

Sự phát triển của nhà trường không thể không nói đến vai trò của các tổ chức đoàn thể nhà trường.

Từ khi thành lập trường được sự quan tâm của Quận ủy Quận 1 đã thành lập chi bộ trường Mầm non Tuổi Hồng. Ban từ thành lập đến hiện nay chi bộ đã có 14 đảng viên và 2 đảng viên dự bị. Chi bộ tham gia tích cực các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước, tuyên truyền và chỉ đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của mình.

Công đoàn nhà trường tuy còn non trẻ nhưng cũng đã phát huy được vai trò của mình trong công việc chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Công

đoàn là nơi gửi gắm tâm tư, nguyện vọng của anh chị em, đồng thời tổ chức cho cán bộ, giáo viên hưởng ứng các cuộc thi đua, các cuộc vận động của ngành.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ làm việc,; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Vũ Thị Ngọc Bắc

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc: 21 Yersin, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Tp.HCM

Số điện thoại: 0908801710

Gmail: vuthingocbac@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có).

Quyết định thành lập trường: 112/QĐ-UB ngày 21 tháng 02 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Quận 1

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục.

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về điều động, bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non Tuổi Hồng.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Tuổi Hồng.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về điều động và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

c) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Vũ Thị Ngọc Bắc	Hiệu trưởng	38298761	vuthingocbac@gmail.com
2	Vũ Thị My	Phó Hiệu trưởng	38298761	vumy1408@gmail.com
3	Đoàn Xuân Lan Chi	Phó Hiệu trưởng	38298761	lanchidoan182@gmail.com

d) Quyết định công nhận hội đồng tư vấn trong nhà trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

Danh sách hội đồng tư vấn trong nhà trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Bà Vũ Thị Ngọc Bắc	Hiệu trưởng	MN Tuổi Hồng	Chủ tịch	
2	Bà Vũ Thị My	Phó Hiệu trưởng	MN Tuổi Hồng	Phó chủ tịch	
3	Bà Đoàn Xuân Lan Chi	Phó Hiệu trưởng	MN Tuổi Hồng	Phó chủ tịch	
4	Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Chủ tịch công đoàn	MN Tuổi Hồng	Thành viên	
5	Bà Võ Thị Mai Trang	Bí thư chi đoàn – TT tổ 3-4 tuổi	MN Tuổi Hồng	Thành viên	
6	Bà Nguyễn Thanh Bình	Tổ trưởng tổ 25-36 tháng	MN Tuổi Hồng	Thành viên	
7	Bà Dương Thị Bích Hằng	Tổ trưởng tổ 4-5 tuổi	MN Tuổi Hồng	Thành viên	
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Phi	Tổ trưởng tổ 5-6 tuổi	MN Tuổi Hồng	Thành viên	
8	Bà Nguyễn Thị Bích Trâm	Tổ trưởng tổ văn phòng	MN Tuổi Hồng	Thành viên	
9	Bà Trần Thanh Hằng	Trưởng ban CMHS trường	NV Văn phòng	Thành viên	

e) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); cơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

Cơ chế hoạt động của trường Mầm non Tuổi Hồng.

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội giáo dục của nhà trường; chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Trường mầm non Tuổi Hồng được thành lập theo Quyết định số 112/QĐ-UB ngày 21 tháng 02 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Quận 1 thuộc địa bàn phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện. Đội ngũ giáo viên, nhân viên nhiệt tình, thân thiện.

Trường mầm non Tuổi Hồng là cơ sở giáo dục mầm non của hệ thống giáo dục quốc dân, cung cấp dịch vụ giáo dục công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của đại phưong, xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai và cam kết chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục và thu chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 09 thành viên

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường)

+ Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam có: 01 Chi bộ gồm 14 đảng viên và 02 đảng viên dự bị.

+ Tổ chức Công đoàn có 24 công đoàn viên

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh có 9 đoàn viên

+ Ban đại diện cha mẹ học sinh

+ Các tổ chuyên môn: 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các uy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Quy chế thực hiện công khai: Quyết định số 184/QĐ-MNTH ngày 06 tháng 9 năm 2024 về ban hành Quy chế thực hiện công khai của nhà trường năm học 2024-2025.

Quy chế chi tiêu nội bộ ở cơ sở giáo dục: Quyết định số 307/QĐ-MNTH ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Giai đoạn 2023-2025.

Quy chế quản lý công tác văn thư, lưu trữ: Quyết định số 06/QĐ-MNTH ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của trường Mầm non Tuổi Hồng.

Quy chế quản lý và sử dụng con dấu: Quyết định số 128/QĐ-MNTH ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng con dấu trường Mầm non Tuổi Hồng.

Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước: Quyết định số 119/QĐ-MNTH ngày 17 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật Nhà nước.

Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công: Quyết định số 02/QĐ-MNTH ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường Mầm non Tuổi Hồng năm 2024.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc	
		Năm 2023 ¹	Dự kiến năm 2026 ²
I	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành (02 vị trí)	03	03
1	Hiệu trưởng	01	01

¹ Biên chế giao năm 2023

² Ước tính số người làm việc mục tiêu đến năm 2026 sau khi đã đề xuất tình giảm biên chế theo lộ trình giai đoạn năm 2023 – 2026 (đảm bảo ít nhất giảm 10% đối với số lượng người làm việc được giao năm 2023)

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc	
		Năm 2023 ¹	Dự kiến năm 2026 ²
2	Phó Hiệu trưởng	02	02
II	Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (04 vị trí)	19	17
1	Giáo viên mầm non hạng I	00	00
2	Giáo viên mầm non hạng II	02	02
3	Giáo viên mầm non hạng III	17	15
4	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Kiểm nhiệm hoặc ký HĐLĐ	Kiểm nhiệm hoặc ký HĐLĐ
II	Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (06 vị trí)	03	02
1	Kế toán viên trung cấp	01	01
2	Văn thư viên trung cấp	01	01
3	Nhân viên thủ quỹ	Kiểm nhiệm hoặc ký HĐLĐ	Kiểm nhiệm hoặc ký HĐLĐ
4	Thư viện viên hạng IV	Kiểm nhiệm hoặc ký HĐLĐ	Kiểm nhiệm hoặc ký HĐLĐ
5	Y tế học đường	01	00
6	Công nghệ thông tin	Kiểm nhiệm hoặc ký HĐLĐ	Kiểm nhiệm hoặc ký HĐLĐ
III	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ (03 vị trí)	07	07
1	Nhân viên bảo vệ	02	02
2	Nhân viên nấu ăn	03	03
3	Nhân viên phục vụ	02	02
	TỔNG CỘNG:	32	29

100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn. Trong đó 14 giáo viên có trình độ trên chuẩn.
 Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hàng năm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	Số m²/trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	505	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	172.7	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	441.5	2.2 m ² / trẻ em
2	Diện tích phòng chức năng		
	+ Thể dục:	0	
	+ Âm nhạc:	30.9	
	+ Vật lý trị liệu (phòng trẻ mệt):		
3	Diện tích phòng ngủ (m ²)	441.5	2.2 m ² / trẻ em
4	Diện tích sân chơi (m ²)	128.6	
5	Phòng nhân viên	12.5	
6	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	76	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	2780	Số bộ/nhóm (lớp) Từ 28 - 33 bộ /lớp
VII I	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) - Máy vi tính - Máy chiếu - Máy in vi tính	 9 1 5	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)

1	Ti vi	11	02 ti vi thông minh 1 cái /1 lớp		
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	09			
3	Máy phô tô	1			
5	Cassette	0			
6	Đầu Video/đầu đĩa	0			
7	Đồ chơi ngoài trời	12			
8	Bàn ghế đúng quy cách	Bàn HS: 89 Ghế HS: 173 Bàn GV: 20 Ghế GV: 40 Bàn - ghế GV ở lớp: 9 bộ	GB: 13 bộ. Mâm 1: 13 bộ Mâm 2: 12 bộ Chòi 1: 11 bộ Chòi 2: 17 bộ Lá 1: 17 bộ Lá 2: 14 bộ		
9	Thiết bị khác...	0			
		Số lượng (m ²)			
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em	
			Chung Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	14	9		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Đơn vị được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1, theo Quyết định số 3360-3/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 21 tháng 12 năm 2020 (lần thứ 2).

- Năm học 2024-2025 nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng báo cáo tự đánh giá, thu thập minh chứng, lưu trữ hồ sơ minh chứng đầy đủ, khoa học, tinh gọn, rà soát, cải tiến những tiêu chí còn hạn chế. Hoàn thành báo cáo tự đánh giá trong cuối tháng 5/2025 và lưu trữ hồ sơ tại thời điểm cuối năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh với tổng số học sinh:

Lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc (Hoa)	HS khuyết tật
25-36 tháng	12	01	06	2	0
3-4 tuổi	34	02	21	3	0

4-5 tuổi	60	03	35	2	0
5-6 tuổi	63	03	32	5	0

- Tiếp tục thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm” nhà trường duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp 1; hướng đến triển khai thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3 tuổi và 4 tuổi tại đơn vị.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Nâng cao hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025” năm thứ 3.

- Thường xuyên nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, giữ vững số lượng, đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; Phát huy tính chủ động, linh hoạt, thực hiện tốt dân chủ tại đơn vị.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về hồ sơ trường, đội ngũ, trẻ; khai thác hiệu quả kho học liệu dùng chung. Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho cha mẹ trẻ, người chăm sóc trẻ và cộng đồng; tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về đổi mới Giáo dục mầm non.

- Phối hợp cha mẹ học sinh tổ chức Tốt các lễ hội tại trường như: Tuyên truyền giúp bé thích nghi với trường lớp mầm non; Vui đón bé đến trường; Hội thi trưng bày mâm quả và trang trí lồng đèn Trung Thu; “Hưởng ứng Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển”; Thao giảng, tham quan bếp ăn, dự giờ thăm lớp, Lễ hội Chúc mừng cô nhân ngày 20/11; Hội thi răng miệng “Nụ cười xinh”; Bé vui với An toàn giao thông; Trang trí “Góc phố ngày Tết” và Lễ hội Bé chúc mừng xuân; Hoạt động làm thiệp, trang trí áo dài chào mừng tế phụ nữ 08/3; Tổ chức ngày Giỗ tổ Hùng Vương. Ngày Hội “Hoa Bé Ngoan” với chủ đề “Vì một môi trường xanh, sạch, đẹp” do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 tổ chức. Tổ chức tốt chuyên đề cụm chuyên môn Quận 1 “Ứng dụng làm quen chữ viết cho trẻ 3-6 tuổi thông qua hoạt động vui chơi trong lớp”.

- Kết quả giáo viên

- Hội thi giáo viên giỏi bậc học mầm non cấp Quận năm học 2023-2024: Đạt 01 giải ba, 01 giải khuyến khích.

- Hội thi, triển lãm đồ dùng dạy học dành cho giáo dục đặc biệt năm học 2023-2024: Đạt 01 giải khuyến khích.

- Kết quả học sinh

- Tham gia hội thi “Bé vẽ sáng tạo cùng Bitex” cấp Quận. Kết quả: 01 giải ba (khối tuổi 4-5 tuổi), 05 giải Khuyến khích (khối tuổi 3-4 tuổi; 4-5 tuổi và 5-6 tuổi).

- Tham gia Hội thi “Nét vẽ xanh” Quận 1. Kết quả: 01 giải Ba (khối tuổi 4-5 tuổi).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

a) Nguồn ngân sách

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2023 theo Quyết định số 7076/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 1. Về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 Khối giáo dục.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Nguồn ngân sách nhà nước		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
	E	4	5	3=5-4
I. Kinh phí thường xuyên/ tự chủ		2.792.912.522	2.792.912.522	0
1	Tiền lương	1.119.513.799	1.119.513.799	0
2	Lương theo ngạch, bậc	1.119.513.799	1.119.513.799	0
3	Phụ cấp lương	598.843.601	598.843.601	0
4	Phụ cấp chức vụ	40.700.000	40.700.000	0
5	Phụ cấp ưu đãi nghề	387.691.920	387.691.920	0
6	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	160.786.811	160.786.811	0
7	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	9.664.870	9.664.870	0
8	Các khoản đóng góp	309.632.709	309.632.709	0
9	Bảo hiểm xã hội	230.577.550	230.577.550	0
10	Bảo hiểm y tế	39.527.581	39.527.581	0
11	Kinh phí công đoàn	26.351.719	26.351.719	0
12	Bảo hiểm thất nghiệp	13.175.859	13.175.859	0
13	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	30.600.000	30.600.000	0
14	Chi khác	30.600.000	30.600.000	0
15	Thanh toán dịch vụ công cộng	54.624.150	54.624.150	0
16	Tiền nước	54.624.150	54.624.150	0
17	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	12.274.518	12.274.518	0
18	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	984.037	984.037	0
19	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	11.290.481	11.290.481	0
20	Chi phí thuê mướn	54.000.000	54.000.000	0
21	Chi phí thuê mướn khác	54.000.000	54.000.000	0
22	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	613.423.745	613.423.745	0
23	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	410.993.909	410.993.909	0
24	Chi lập Quỹ phúc lợi	104.282.037	104.282.037	0

25	Chi lập Quỹ khen thưởng	30.671.187	30.671.187	0
26	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	67.476.612	67.476.612	0
II. Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ		2.479.765.447	2.479.765.447	0
1	Tiền lương	11.340.000	11.340.000	0
2	Lương theo ngạch, bậc	11.340.000	11.340.000	0
3	Phụ cấp lương	852.337.551	852.337.551	0
4	Phụ cấp thu hút	267.300.000	267.300.000	0
5	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	282.216.961	282.216.961	0
6	Phụ cấp ưu đãi nghề	3.969.000	3.969.000	0
7	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	298.851.590	298.851.590	0
8	Các khoản đóng góp	1.776.600	1.776.600	0
9	Bảo hiểm xã hội	1.323.000	1.323.000	0
10	Bảo hiểm y tế	226.800	226.800	0
11	Kinh phí công đoàn	151.200	151.200	0
12	Bảo hiểm thất nghiệp	75.600	75.600	0
13	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.423.331.296	1.423.331.296	0
14	Chi khác	1.423.331.296	1.423.331.296	0
15	Chi khác	190.980.000	190.980.000	0
16	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	190.980.000	190.980.000	0
TỔNG CỘNG		5.272.677.969	5.272.677.969	0

b) Nguồn dịch vụ: theo danh sách đính kèm

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Diện chính sách	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.	Miễn giảm học phí HK II	01	480.000	
	Hỗ trợ chi phí học tập HK II	01	450.000	
	Hỗ trợ ăn trưa HK II	01	480.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo

- Các khoản thu năm học 2023-2024

a) Học phí

Về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập năm học 2023 - 2024 nhà trường chưa tổ chức thực hiện thu, chờ văn bản hướng dẫn các cấp.

b) Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống		120.000 đồng/hs/tháng	
2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu (vẽ, võ thuật, nhện điện)	80.000 đồng/hs/tháng/môn	80.000 đồng/hs/tháng/môn	
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài		180.000 đồng/hs/tháng	
4	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè	250.000 đ/tuần	250.000 đ/tuần	

c) Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	550.000 đồng/hs/tháng	550.000 đồng/hs/tháng	Thu theo tháng
2	Tiền phục vụ ăn sáng	220.000 đồng/hs/tháng	220.000 đồng/hs/tháng	Thu theo tháng
3	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	400.000 đồng/hs/năm	400.000 đồng/hs/năm	Thu theo năm
4	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 và NQ 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021	60.000 đồng/hs/tháng	60.000 đồng/hs/tháng	Thu theo tháng

d) Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	180.000 đồng/hs/bộ	180.000 đồng/hs/bộ	

2	Tiền học phẩm - học cụ, học liệu:			
2.1	Tiền học phẩm	30.000 đồng/hs/năm	30.000 đồng/hs/năm	Thu theo năm
2.2	Học cụ - Học liệu	320.000 đồng/hs/năm	320.000 đồng/hs/năm	Thu theo năm
3	Tiền suất ăn trưa bán trú	35.000 đồng/hs/ngày	35.000 đồng/hs/ngày	Thu theo tháng
4	Tiền suất ăn sáng	17.000 đồng/hs/ngày	17.000 đồng/hs/ngày	Thu theo tháng
5	Tiền nước uống	15.000 đồng/hs/tháng	15.000 đồng/hs/tháng	Thu theo tháng
6	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	30.000 đồng/hs/năm	30.000 đồng/hs/năm	Thu theo năm
7	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	30.000 đồng/hs/tháng	30.000 đồng/hs/tháng	Thu theo tháng

• Các khoản thu năm học 2024-2025

a) Mức thu học phí

Cấp học	Mức học phí
- Nhà trẻ 24-36 th (Gấu Bông)	200.000 đồng/học sinh/tháng
- Mẫu giáo 3-4 tuổi (Mầm); 4-5 tuổi (Chồi)	160.000 đồng/học sinh/tháng
- Mẫu giáo 5-6 tuổi (Lá)	Được miễn học phí (hưởng từ ngày 01/9/2024) theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 7 năm 2024.

b)/ Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND

TT	Nội dung	Mức thu	Ghi chú
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	550.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên như năm học 2023-2024.
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	220.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên như năm học

	(thu khi phụ huynh có nhu cầu đăng ký cho bé ăn sáng)		2023-2024.
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ Tết, không bao gồm tiền ăn)	55.000 đồng/hs/ngày	Tăng 9,1% so với năm học 2023-2024 (tăng 5.000 đồng /hs/ngày)
4	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (phần kinh phí xã hội hoá theo Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của HĐND TP)	60.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên như năm học 2023-2024.
5	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu	30.600 đồng/hs/năm	Tăng 2% so với năm học 23-24 (tăng 600 đồng/hs/năm).
6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	34.000 đồng/hs/tháng	Tăng 13,34% so với năm học 23-24 (tăng 4.000 đồng/hs/tháng).

c) Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa (phục vụ theo nhu cầu phụ huynh đăng ký, không bắt buộc)

TT	Nội dung thu	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu (vẽ, võ thuật, nhện điệu)	90.000 đồng/hs/tháng/môn	Tăng 12,5% so với năm học 23-24 (tăng 10.000 đồng/hs/tháng/môn)
2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	120.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên như năm học 2023-2024.
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	180.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên như năm học 2023-2024.
4	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng tư duy (Toán)	90.000 đồng/hs/tháng	Mới đưa vào năm học 2024-2025.

c) Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ-Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	400.000 đồng/hs/năm	Giữ nguyên như năm học 2023-2024.

2	Tiền học phẩm học cụ, học liệu:		
2.1	Học phẩm	34.000 đồng/hs/năm	Tăng 13,3% so với năm học 2023-2024 (tăng 4.000 đồng/hs/năm)
2.2	Học cụ - Học liệu	360.000 đồng/hs/năm	Tăng 12,5% so với năm học 2023-2024 (tăng 40.000 đồng/hs/năm)
3	Tiền suất ăn trưa bán trú	40.000 đồng/hs/ngày	Tăng 14,3% so với năm học 2023-2024 (tăng 5.000 đồng/hs/ngày)
4	Tiền suất ăn sáng (phục vụ theo nhu cầu của học sinh, không bắt buộc)	17.000 đồng/hs/ngày	Giữ nguyên như năm học 2023-2024.
5	Tiền nước uống	15.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên như năm học 2023-2024.

• Các khoản thu năm học 2025-2026

a) Mức thu học phí

Cấp học	Mức học phí
- Nhà trẻ 24-36 th (Gấu Bông)	200.000 đồng/học sinh/tháng
- Mẫu giáo 3-4 tuổi (Mầm); 4-5 tuổi (Chồi)	160.000 đồng/học sinh/tháng
- Mẫu giáo 5-6 tuổi (Lá)	Được miễn học phí (hưởng từ ngày 01/9/2024) theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 7 năm 2024.

b) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND

TT	Nội dung	Mức thu	Ghi chú
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	550.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng (thu khi phụ huynh có nhu cầu đăng ký cho bé ăn sáng)	220.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm	55.000 đồng/hs/ngày	Giữ nguyên

	các ngày lễ Tết, không bao gồm tiền ăn)		
4	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (phần kinh phí xã hội hoá theo Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của HĐND TP)	60.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên
5	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu	30.600 đồng/hs/năm	Giữ nguyên
6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	34.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên

c) Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa (phục vụ theo nhu cầu phụ huynh đăng ký, không bắt buộc)

TT	Nội dung thu	Mẫu giáo	Ghi chú
<i>I. Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa</i>			
1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu (vẽ, võ thuật, nhịp điệu)	90.000 đồng/hs/tháng/môn	Giữ nguyên
2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	120.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	180.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên
4	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng tư duy (Toán)	90.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên

d) Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ-Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	400.000 đồng/hs/năm	Giữ nguyên
2	Tiền học phẩm học cụ, học liệu:		
2.1	<i>Học phẩm</i>	34.000 đồng/hs/năm	Giữ nguyên
2.2	<i>Học cụ - Học liệu</i>	360.000 đồng/hs/năm	Giữ nguyên

3	Tiền suất ăn trưa bán trú	40.000 đồng/hs/ngày	Giữ nguyên
4	Tiền suất ăn sáng (<i>phục vụ theo nhu cầu của học sinh, không bắt buộc</i>)	17.000 đồng/hs/ngày	Giữ nguyên
5	Tiền nước uống	15.000 đồng/hs/tháng	Giữ nguyên

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	138.817.737	

5. Công khai dự toán thu - chi 6 tháng đầu năm 2024

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU CHI HỌC PHÍ, THU KHÁC	1.568,0	574,6	36,6%	80,7%
1	Số thu phí, lệ phí	237,0	65,0	27,4%	#DIV/0!
	Thu học phí	237	65,0	27,4%	#DIV/0!
2	Thu hoạt động sxkd, dịch vụ	1.331,0	509,6	38,3%	71,6%
	Thu tiền công phục vụ ăn sáng	360	61,9	17,2%	45,0%
	Thu tiền năng khiếu	30	58,7	195,7%	116,9%
	Thiết bị vật dụng bán trú	64	59,3	92,7%	92,7%
	Tiền công phục vụ hè	85	39,0	45,9%	49,3%
	Thu tổ chức phục vụ và bán trú hè	0,0	19,5	#DIV/0!	#DIV/0!
	Thu vệ sinh bán trú hè	0,0	1,9	#DIV/0!	#DIV/0!
	Thu phục vụ ăn sáng hè	0,0	8,0	#DIV/0!	#DIV/0!
	Thu tổ chức phục vụ, QL và vệ sinh bán trú	0,0	238,9	#DIV/0!	#DIV/0!
	Thu NQ 04/2017/NQ-HĐND	0,0	22,4	#DIV/0!	#DIV/0!
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	471,0	1.001,7	212,7%	151,0%
1	Chi sự nghiệp giáo dục	471,0	1.001,7	212,7%	151,0%

a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	471,0	1.001,7	212,7%	151,0%
	Học phí	237	304,0	0,0%	#DIV/0!
	Tiền công phục vụ ăn sáng	360	112,4	0,1%	133,5%
	Tiền năng khiếu	30	58,6	0,0%	1331,8%
	Thiết bị vật dụng bán trú	64	45,6	0,0%	134,5%
	Tiền công phục vụ hè	85	116,7	0,0%	150,8%
	Tiền tổ chức phục vụ và bán trú hè	0	19,5	0,0%	#DIV/0!
	Tiền vệ sinh bán trú hè	0	1,9	0,0%	#DIV/0!
	Tiền phục vụ ăn sáng hè	0	8,0	0,0%	#DIV/0!
	Tiền tổ chức phục vụ, QL và vệ sinh bán trú	0	229,1	0,0%	#DIV/0!
	Tiền NQ 04/2017/NQ-HĐND	0	11,5	0,0%	#DIV/0!
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	31,0	10,4	33,5%	80,0%
1	Lệ phí				
2	Thu hoạt động sxkd, dịch vụ	31,0	10,4	33,5%	80,0%
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NN	8.004	2.411,54	30,1%	121,6%
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.003,7	2.411,5	30,1%	121,6%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.381,7	1.096,7	32,4%	99,4%
	Lương theo ngạch, bậc	1.335,1	594,70	44,5%	110,7%
	Lương hợp đồng theo chế độ	56,1	0,00	0,0%	#DIV/0!
	Phụ cấp chức vụ	35,7	20,90	58,5%	106,6%
	Phụ cấp ưu đãi nghề	481,5	204,80	42,5%	111,2%
	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	189,5	84,90	44,8%	120,9%
	Bảo hiểm xã hội	273,0	121,50	44,5%	101,8%
	Bảo hiểm y tế	46,8	20,70	44,2%	110,7%

	Kinh phí công đoàn	31,2	13,78	44,2%	111,1%
	Bảo hiểm thất nghiệp	15,6	6,84	43,8%	112,1%
	Chi khác	555,0	0,00	0,0%	#DIV/0!
	Tiền điện	150,0	0,00	0,0%	0,0%
	Tiền nước	126,0	22,50	17,9%	70,3%
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	4,8	0,52	10,9%	95,4%
	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí	11,4	5,60	49,1%	100,0%
	Chi thuê mướn khác	70,0	0,00	0,0%	0,0%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.854,0	465,4	25,1%	166,2%
	Phụ cấp thu hút	350,0	135,00	38,6%	93,5%
	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	450,0	157,30	35,0%	116,0%
	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	450,0	173,10	38,5%	132,8%
	Chi khác	604,0	0,00	0,0%	#DIV/0!
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	418,0	106,4	25,5%	#DIV/0!
3.4	Chi CNTT theo NQ số 08/2023/NQ-HĐND	2.350,0	743,0	31,6%	123,8%
	Chi khác	2.350,0	743,0	31,6%	123,8%
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt nội dung Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; làm tốt công tác giáo dục nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống cho đội ngũ; ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm pháp luật trong đội ngũ.

- Thực hiện “Dân chủ-Kỷ cương-Tình thương-Trách nhiệm” trong đội ngũ, nhằm thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; kỷ cương, nề nếp, kỷ luật lao động, nội quy, quy chế của nhà trường, đơn vị.

- Trường Mầm non Tuổi Hồng đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; triển khai thực hiện chương trình hành động “Xây dựng không gian văn hóa Hồ Chí Minh trong trường học” gắn với việc xây dựng văn hóa học đường.

- Tham gia các phong trào thi đua, đẩy mạnh các giải pháp nhằm thực hiện tốt mục tiêu năm học; Thực hiện tốt chủ đề năm học 2023 - 2024 của bậc học mầm non: “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường; Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT về ban hành quy định về đạo đức nhà giáo; Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025.

- Nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhận trách nhiệm chủ trì trong việc triển khai thực hiện chương trình hành động “Xây dựng không gian văn hóa Hồ Chí Minh trong trường học” gắn với việc xây dựng văn hóa học đường.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” với nội dung trọng tâm “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”, phát huy hiệu quả các nhóm nhà giáo cùng nhau phát triển và khuyến khích các giải pháp đổi mới, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng hiệu quả trong giảng dạy và công tác.

- Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các phong trào thi đua của ngành học và chính quyền địa phương phát động góp phần nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Triển khai có hiệu quả và sáng tạo phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện - Học sinh tích cực” gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- Hướng đến thực hiện các tiêu chí của trường học với quan điểm lấy trẻ làm trung tâm; Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non với phương châm đảm bảo cho trẻ phát triển tốt hơn, đồng thời giảm tải lao động cho giáo viên.

- Xây dựng và nghiêm túc thực hiện Quy chế dân chủ, xây dựng khối đoàn kết thống nhất.

- 100% CB-GV-NV thực hiện tốt Quy chế ngành, nội quy nhà trường, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- CB-GV-NV trong nhà trường không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, luôn quan tâm và yêu thương trẻ, trách nhiệm, tận tâm, yêu thương học sinh, xây dựng lối sống trong sạch, lành mạnh, tác phong mẫu mực mô phạm; tích cực trong học tập, bồi dưỡng, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao mức đạt được trong chuẩn nghề nghiệp, chuẩn cán bộ quản lý; đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Nhà trường thực hiện tốt chính sách, pháp luật của nhà nước và Điều lệ trường mầm non.

- Đẩy mạnh kiểm tra, phát hiện để ngăn chặn và xử lý các biểu hiện vi phạm pháp luật, thiếu gương mẫu trong lối sống và những hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm,

xâm phạm thân thể học sinh và người khác.

2. Tăng cường chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục và đào tạo (GDĐT); tăng cường các điều kiện đảm bảo và kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy và học trực tuyến, trên truyền hình và kiểm tra, đánh giá:

*** Công tác ứng dụng công nghệ thông tin**

- + Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học cho các lớp.
- + Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên qua nhiều hình thức; đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, có tâm, nhiệt tình, có chuyên môn nghiệp vụ và có khả năng đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.
- + Nhà trường đã tổ chức đa dạng các hội thi, nhằm khuyến khích động viên giáo viên nâng cao tay nghề, vận dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, giúp học sinh hứng thú, tập trung chú ý, say mê học tập, nâng cao chất lượng dạy và học.
- + Khuyến khích đội ngũ giáo viên thiết kế các bài giảng điện tử, tạo nguồn học liệu cho nhà trường chia sẻ học tập lẫn nhau. 05 giáo án tham gia Hội thi “Thiết kế học liệu số” cấp Quận.

+ Giấy khen “Tập thể, đơn vị tiêu biểu trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, dạy học trực tuyến; thực hiện kho học liệu điện tử, năm 2023 do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 khen tặng, quyết định số 1105/QĐ-GDĐT ngày 21 tháng 8 năm 2023.

*** Công tác cải cách hành chính:**

+ Đơn vị tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 16/KH-MNTH ngày 16 tháng 02 năm 2023 thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 tại đơn vị;

+ Đơn vị tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 44/KH-MNTH ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Trường Mầm non Tuổi Hồng về tăng cường thông tin, tuyên truyền công tác cải cách hành chính, văn hóa công sở và văn hóa công vụ năm 2023. Phù hợp với tình hình mới, chú trọng tuyên truyền đến PHHS để cùng biết, trải nghiệm, tham gia công tác CCHC với đơn vị.

+ Triển khai đến đội ngũ Kế hoạch số 260/KH-MNTH ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Trường Mầm non Tuổi Hồng về thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023 - 2024.

+ Đơn vị thực hiện ứng dụng thanh toán điện tử trong cung ứng dịch vụ. Xây dựng môi trường làm việc điện tử.

+ 100% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử trừ các văn bản có chứa bí mật nhà nước.

+ Đơn vị áp dụng chữ ký số trong giải quyết hồ sơ TTHC để đảm bảo đồng bộ liên thông dữ liệu giữa Hệ thống Một cửa điện tử của quận - phường với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố.

+ 100% hệ thống báo cáo của đơn vị được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Quận, Thành phố và quốc gia.

+ 100% CB-GV-NV tham gia Hội thi online “Cán bộ tham mưu tốt - Dân vận khéo” năm 2023;

+ 100% CB-GV tham gia Hội thi “CB-CC-VC thân thiện sáng tạo trong công tác CCHC và chuyển đổi số năm 2023”. Kết quả: 01 CBQL đạt giải Khuyến khích vòng Sơ khảo và vòng Chung kết.

+ 100% CB-GV-NV tham gia Hội thi “Sáng tạo CCHC thành phố Hồ Chí Minh, lần 1.

3. Công tác Khuyến học.

+ Khen thưởng con CB-GV-NV đạt thành tích tốt trong học tập: 1.300.000 đồng.

+ Khen thưởng giáo giỏi cấp trường: 100.000 đồng/1 người.

+ Khen thưởng giáo viên lên chuyên đề cấp Quận (cụm): 200.000 đồng/1 người

+ Hỗ trợ CBQL - giáo viên học Bồi dưỡng thường xuyên năm học 2023 - 2024: 8.000.000đ.

+ Chi hỗ trợ giáo viên học Tổ trưởng chuyên môn: 1.000.000 đồng.

+ Chi hỗ trợ nhân viên Kế toán tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn: 500.000 đồng.

4. Công tác Chữ thập đỏ

- Ủng hộ Tháng nhân đạo: 1.000.000 đồng

- Ủng hộ quỹ “Chiếc hộp yêu thương” do Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh phát động: lần 1: 1.000.000 đồng; lần 2: 2.000.000 đồng.

- Đóng tiền công trình hội chữ thập đỏ Quận 1 và bữa cơm ngon cho người già Chương trình trợ cấp học tập Quận 1: 2.000.000 đồng

- Ủng hộ phong trào trao học bổng Nguyễn Đức cảnh: 1.000.000 đồng

- Ủng hộ cho phong trào “Tết nhân ái- Xuân Giáp Thìn 2024” chăm lo Tết đến với người bệnh do di chứng của chất độc hóa học, người già neo đơn, trẻ em mồ côi... do Hội chữ thập đỏ Quận 1 phát động.

- Ủng hộ tết “Vì người nghèo” Xuân Giáp Thìn năm 2024 do Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Cầu Ông Lãnh phát động: 1.000.000 đồng.

- Giấy khen Trường mầm non Tuổi hồng “đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ năm học 2023-2024”. Quyết định số 21/KT-CTĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2024.

- Tham gia hội thi “Sơ cấp cứu hè 2024” do hội Chữ thập đỏ Quận 1 tổ chức. Kết quả đạt giải ba. Quyết định số 22/KT-CTĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024.

5. Công tác xã hội hóa

- Chi bộ trường Mầm non Tuổi Hồng tham gia “Công trình Kỷ niệm 55 năm thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969-2024)” chăm lo 01 hộ nghèo vượt chuẩn hộ nghèo trị giá 6.000.000 đồng (500.000đ/tháng).

- Chăm lo 8/8 xuất khó khăn cho công nhân viên nhân dịp Trung thu và 8/8 suất khó khăn cho nhân viên vui Tết Nguyên đán năm 2024 (kết hợp mạnh thường quân hỗ trợ 1 phần quà + 300.000 đồng)

- Nhận 20 phiếu Người Việt Nam dùng hàng Việt nam do Liên đoàn lao động Quận 1 phát tặng.
- Liên đoàn lao động Quận 1 chăm lo 11 xuất cho công đoàn viên khó khăn trong dịp tết (xuất gói an sinh cho công đoàn viên)
- Tặng 120 quyển tập và 20 cây bút bi gửi về Liên đoàn Lao động Quận 1 cho con em công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn nhân Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6
- Tặng 13 bộ vải áo dài cho giáo viên vùng khó khăn nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 gửi về Liên đoàn lao động Quận 1.
- Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống cho đội ngũ người lao động giúp họ có thêm động lực làm việc, vượt qua khó khăn, gắn bó với trường lớp.
- Cán bộ, giáo viên hỗ trợ nhân viên hợp đồng của trường quý 3,4/2023: 35.800.000 đồng; Quý 1/2024: 25.432.600 đồng

6. Hoạt động Đảng và Đoàn thể:

*** Thành tích Chi bộ**

- Chi bộ đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2023. Trong đó có 02/12 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 05/08 đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. 01 đảng viên đạt tiêu chuẩn đảng viên “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 5 năm liền (2019-2023) theo QĐ số 1980-QĐ/QU ngày 29 tháng 12 năm 2023.
- Giấy khen của Đảng ủy phường Cầu Ông Lãnh khen tặng Chi bộ đạt Thành tích “Tích cực đóng góp trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể phường” năm 2023 theo quyết định số 82/QĐ-KT ngày 12 tháng 12 năm 2023.
- Giấy khen Đảng ủy phường Cầu Ông Lãnh khen thưởng tập thể Chi bộ và 01 cá nhân đạt tiêu biểu thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo” năm 2023 theo quyết định số 474/QĐ-KT ngày 13 tháng 10 năm 2023.
- Giấy khen của Đảng ủy phường Cầu Ông Lãnh khen tặng Chi bộ và 02 cá nhân đạt thành tích tốt trong việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2023 - 2024 theo quyết định số 182/QĐ-KT ngày 15 tháng 5 năm 2023.
- Giấy khen của Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh khen tặng Chi bộ và 02 cá nhân đạt thành tích tốt trong việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2023 - 2024 theo quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2024.
- CB-GV-NV tham gia hội thi “Viết bài chính luận phản bác luận điệu thù địch” do Quận Ủy Quận 1 tổ chức: 05 bài viết.
- CB-GV-NV tham gia hội thi viết về chủ đề “Gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình “ năm 2024 do Liên đoàn Lao động Quận 1 tổ chức: 16 bài viết.

- CB-GV-NV tham gia Hội thi “Người phụ trách mạng lưới An toàn vệ sinh viên giỏi” năm 2024 do Liên đoàn Lao động Quận 1 tổ chức: 22 bài viết.

- Hội thi “Tìm hiểu kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam: Ngày truyền thống mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11/1930- 18/11/2023) do phường Cầu Ông Lãnh tổ chức. Kết quả: 01 giải Ba.

- Hội thi trực tuyến “Tìm hiểu về luật bảo vệ môi trường phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn” trên địa bàn phường Cầu Ông Lãnh năm 2023. Kết quả: 02 giải Khuyến khích.

- Hội thi trực tuyến “Tìm hiểu Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về Thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Tp HCM và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 30/12/2023 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2023, tầm nhìn đến 2045”. Kết quả: 01 giải Khuyến khích.

- Hội thi “Tìm hiểu kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam: Ngày truyền thống mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11/1930- 18/11/2023) phường Cầu Ông Lãnh. Kết quả: 01 giải Ba.

- Hội thi trang trí Gian hàng ẩm thực – Năm 2023 do phường Cầu Ông Lãnh tổ chức. Kết quả: 01 giải Khuyến khích.

*** Thành tích đơn vị**

- Tập thể, đơn vị tiêu biểu trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, dạy học trực tuyến; thực hiện kho học liệu điện tử, năm 2023 do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 khen tặng, quyết định số 1105/QĐ-GDĐT ngày 21 tháng 8 năm 2023.

- Tập thể, đơn vị thực hiện tốt chuyên đề đổi mới hoạt động chuyên môn để nâng cao chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 khen tặng, quyết định số 1160/QĐ-GDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2024.

- Tập thể, đơn vị tổ chức tốt việc thực hiện và phát triển chương trình giáo dục mầm non” do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 khen tặng, quyết định số 1160/QĐ-GDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2023

- 01 cá nhân nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2017-2018 đến năm 2021-2022, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ Quốc. Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

*** Thành tích của Công Đoàn**

- Thành tích Tập thể

+ Giấy khen của LĐLĐ "Tập thể đã có thành tích tốt trong phong trào thi đua Giải việc nước - Đảm việc nhà" năm 2023. Quyết định số 06/QĐKT-LĐLĐ ngày 19 tháng 3 năm 2023

+ Biểu dương của LĐLĐ khen tặng "Tập thể thực hiện tốt việc học tập và làm theo Bác giai đoạn 19/5/2023 - 19/5/2024".

+ Giấy khen của LĐLĐ khen tặng Tập thể "Mùa xuân - đợt 1 năm 2024". Quyết định số 10/QĐKT-LĐLĐ ngày 06/5/2024.

+ Bằng khen của Liên đoàn Lao động Thành phố tặng "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm học 2023-2024". Quyết định số 100/QĐKT-LĐLĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024.

- Thành tích cá nhân:

+ Đạt "Gương người tốt - việc tốt" do Liên đoàn lao động Quận 1 khen tặng: 01 cá nhân.

+ Khen thưởng "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" do Liên đoàn Lao động Quận 1 khen tặng: 02 cá nhân.

+ Giấy khen của LĐLĐ khen tặng "Cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2023": 01 cá nhân.

+ Giấy khen của LĐLĐ khen tặng "Cá nhân thực hiện tốt việc học tập và làm theo Bác giai đoạn 19/5/2023 - 19/5/2024".

+ Giấy khen của LĐLĐ khen tặng "Gương điển hình học tập và làm việc theo gương Bác năm 2024": 01 cá nhân.

+ Giấy khen của LĐLĐ khen tặng "Người tốt việc tốt năm 2024": 01 cá nhân.

+ Giấy khen của LĐLĐ khen tặng cá nhân "Lao động giỏi, lao động sáng tạo" số Quyết định số 10/QĐKT-LĐLĐ ngày 06/5/2024: 02 cá nhân.

+ Tham gia hội thi viết chủ đề "Gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình" năm 2024. 04 công đoàn viên đạt giải khuyến khích

+ Tham gia hội thi trực tuyến chủ đề: Công đoàn Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nối truyền thống- vững bước phát triển ngày 5/7/2024-15/7/2024 (có 1 CĐV đạt top 5 người đạt 20/20 câu).

+ Tham gia hội thi "Đồng hành cùng thương hiệu Việt". Kết quả 01 giải nhì, 01 giải khuyến khích.

+ Giấy khen "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và hoạt động công đoàn năm học 2023-2024": 03 cá nhân. Quyết định số 13/QĐKT-LĐLĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024.

*** Thành tích của Chi đoàn**

Giấy khen "Có đóng góp tích cực trong công tác Đoàn và phong trào thiếu nhi năm 2023. Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 do Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh khen tặng

*** Thành tích cá nhân đoàn viên:**

+ 01 đoàn viên được khen thưởng "Đoàn viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023" của Đảng ủy phường Cầu Ông Lãnh.

+ 01 đoàn viên được tuyên dương "Đoàn viên tiêu biểu" phường Cầu Ông Lãnh năm 2024.

- Năm học 2023-2024 tập thể nhà trường có 23/23 cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, đạt tỉ lệ: 100% (Quyết định số 109/QĐ-MNTH ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng trường mầm non Tuổi Hồng về công nhận các cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” năm học 2023-2024);

Nơi nhận:

- Công khai bảng tin trường;
- Lưu VT./.



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Ngọc Bắc



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NĂM 2023
CỦA TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HỒNG**

Stt	Nội dung	Số thu năm trước chuyển sang			Thu trong năm (không bao gồm hoàn trả)	Hoàn trả	Chi trong năm						Thuế	Chênh lệch thu lớn hơn chi	nguồn CCTL	Trích lập quỹ	Số thu chuyển sang năm sau		
		TC	TM (TK 111)	TK (TK 112)			TC	TK 154	TK642	TK338	TK3341	TK431					TC	TM (TK 111)	TK (TK 112)
		(1)+(2)+(3)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(5)	(5)	(5)	(5)	(5)	(6)	(7)=(4)-(5)-(6)	(8)	(9)	(10)=(1)+(4)-(5)-(6)-(9)	(10)	(10)
	TC	712.780.342	27.391.661	685.304.212	3.040.486.198	51.488.200	3.482.322.876	155.072.816	1.523.680.897	1.494.170.367	140.232.696	-	30.518.426	262.654.115	15.272.050	22.908.074	1.007.769.315	-	1.007.769.315
		241.177.716	26.643.661	214.534.055	1.734.868.149	2.654.500	1.818.986.409	155.072.816	1.523.680.897	-	140.232.696	-	30.518.426	(114.958.035)	15.143.510	22.715.265	88.360.906	-	88.360.906
1	Thu phí, lệ phí, khác	160.675.122	0	160.675.122	475.403.000	99.000	558.654.058	-	418.421.362	-	140.232.696	-	-	(83.251.058)	-	-	77.424.064	-	77.424.064
	- Học phí	160.675.122	0	160.675.122	475.403.000	99.000	558.654.058	-	418.421.362	-	140.232.696	-	-	(83.251.058)	-	-	77.424.064	-	77.424.064
	+ Chi hoạt động	136.180.080	0	136.180.080	282.241.282	99.000	418.421.362	-	418.421.362	-	-	-	-	(136.180.080)	-	-	-	-	-
	+ 40% CCTL	24.495.042	0	24.495.042	193.161.718	-	140.232.696	-	-	-	140.232.696	-	-	52.929.022	-	-	77.424.064	-	77.424.064
	- Nghỉ đình 81	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	+ Học kỳ 2 NH 2021-2022	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	+ Học kỳ 1 NH 2022-2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	+ Hỗ trợ chi phí học tập	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	+ Hỗ trợ học phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hoạt động SXKD	80.502.594	26.643.661	53.858.933	1.259.143.800	2.555.500	1.260.332.351	155.072.816	1.105.259.535	-	-	-	30.518.426	(31.706.977)	15.143.510	22.715.265	10.936.842	-	10.936.842
	- Mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ hs bán trú	41.584.527	5.325.000	36.259.527	59.333.500	-	72.360.615	72.360.615	-	-	-	-	2.272.000	(15.299.115)	10.514.165	15.771.247	-	0	0
	- Vệ sinh bán trú	18.594.961	1.065.600	17.529.361	38.448.800	31.000	54.441.637	45.537.201	8.904.436	-	-	-	2.038.656	(18.031.493)	225.387	338.081	-	0	0
	- Tổ chức phục vụ bán trú	20.323.106	20.253.061	70.045	384.412.000	309.500	386.287.766	35.225.000	351.062.766	-	-	-	18.447.340	(20.323.106)	-	-	-	0	0
	- Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	0	0	0	238.975.000	-	227.965.105	-	227.965.105	-	-	-	0	11.009.895	4.403.958	6.605.937	-	0	0
	- Phục vụ ăn sáng	0	0	0	207.990.000	155.000	203.329.900	-	203.329.900	-	-	-	4.660.100	-	-	-	-	0	0
	- Tiền NQ04/2017/NQ-HDND	-	0	0	22.470.000	-	11.533.158	-	11.533.158	-	-	-	-	10.936.842	-	-	10.936.842	0	10.936.842
	- Tiền hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	0	0	0	161.364.500	2.060.000	158.264.170	-	158.264.170	-	-	-	3.100.330	-	-	-	-	0	0
	- Tiền công phục vụ hè	-	0	0	116.700.000	-	116.700.000	-	116.700.000	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0
	- Tổ chức phục vụ bán trú hè	-	0	0	19.500.000	-	19.500.000	-	19.500.000	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0
	- Phục vụ ăn sáng hè	-	0	0	8.000.000	-	8.000.000	-	8.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0
	- Vệ sinh bán trú hè	-	0	0	1.950.000	-	1.950.000	1.950.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0
3	Hoạt động tài chính	-	-	-	321.349	-	-	-	-	-	-	-	-	321.349	128.540	192.809	-	0	0
	- Lãi tiền gửi thanh toán	0	0	0	321.349	-	-	-	-	-	-	-	-	321.349	128.540	192.809	-	0	0
4	Các khoản thu 3318:	204.230.807	748.000	203.398.338	1.305.296.700	48.833.700	1.494.170.367	-	-	1.494.170.367	-	-	-	(188.873.667)	-	-	31.659.140	-	31.659.140
	- Tiền suất ăn trưa bán trú	97.972.670	0	97.888.201	842.312.000	16.302.000	955.966.180	-	955.966.180	-	-	-	-	(113.654.180)	-	-	620.490	0	620.490
	- Tiền suất ăn sáng	26.485.829	0	26.485.829	302.547.000	-	328.771.949	-	328.771.949	-	-	-	-	(26.224.949)	-	-	260.880	0	260.880
	- Tiền ăn PH không thanh toán	0	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Học phẩm, học cụ	47.519.259	675.000	46.844.259	4.450.500	-	50.364.813	-	50.364.813	-	-	-	-	(45.914.313)	-	-	1.604.946	0	1.604.946
	- Học phẩm cụ - học liệu	0	0	0	47.466.500	-	23.906.201	-	23.906.201	-	-	-	-	23.560.299	-	-	23.560.299	0	23.560.299
	- Tiền nước uống	3.725.224	0	3.725.224	19.337.500	-	21.502.300	-	21.502.300	-	-	-	-	(2.164.800)	-	-	1.560.424	0	1.560.424
	- Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	0	0	0	4.440.000	-	4.440.000	-	4.440.000	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0
	- Chăm sóc SK ban đầu	73.000	73.000	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	73.000	0	73.000
	- Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh	754.025	0	754.025	38.597.700	-	35.372.624	-	35.372.624	-	-	-	-	3.225.076	-	-	3.979.101	0	3.979.101
	- Tiền NQ04/2017/NQ-HDND	27.700.800	0	27.700.800	46.145.500	32.531.700	73.846.300	-	73.846.300	-	-	-	-	(27.700.800)	-	-	-	0	0
5	Trích lập quỹ:	267.371.819	-	267.371.819	645.871.819	-	169.166.100	-	-	-	-	-	-	566.164.468	-	-	887.749.269	-	887.749.269
5.1	Quỹ phúc lợi	170.923.090	-	170.923.090	104.282.037	-	119.341.100	-	-	-	-	-	-	74.399.686	-	-	155.864.027	-	155.864.027
	+ Ngân sách	167.895.114	-	167.895.114	104.282.037	-	117.041.100	-	-	-	-	-	-	76.699.686	-	-	155.136.051	-	155.136.051
	+ Khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	+ TK 531	3.027.976	-	3.027.976	-	-	2.300.000	-	-	-	-	-	-	(2.300.000)	-	-	727.976	-	727.976
	+ TK 515	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Quỹ phát triển HDSN	34.512.412	-	34.512.412	90.384.686	-	11.385.000	-	-	-	-	-	-	78.999.686	-	-	113.512.098	-	113.512.098
	+ Ngân sách	32.306.724	-	32.306.724	67.476.612	-	11.385.000	-	-	-	-	-	-	56.091.612	-	-	88.398.336	-	88.398.336

Stt	Nội dung	Số thu năm trước chuyển sang			Thu trong năm (không bao gồm hoàn trả)	Hoàn trả	Chi trong năm						Thuế	Chênh lệch thu lớn hơn chi	nguồn CCTL	Trích lập quỹ	Số thu chuyển sang năm sau		
		TC	TM (TK 111)	TK (TK 112)			TC	TK 154	TK642	TK338	TK3341	TK431					TC	TM (TK 111)	TK (TK 112)
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	(4)		(5)						(6)	(7)=(4)-(5)-(6)	(8)	(9)	(10)=(1)+(4)+(5)+(6)+(9)		
	+ Khác	-		-										-			-		-
	+ TK 531	2.205.688		2.205.688	22.908.074									22.908.074			25.113.762		25.113.762
	+ Hình thành TSCĐ	-		-										-			-		-
5.3	- Quỹ khen thưởng	61.936.317	-	61.936.317	40.211.187		38.440.000					38.440.000	-	1.771.187			63.707.504		63.707.504
	+ Ngân sách	45.809.055		45.809.055	30.671.187		28.540.000					28.540.000		2.131.187			47.940.242		47.940.242
	+ Khác	3.430.000		3.430.000	9.540.000		5.400.000					5.400.000		4.140.000			7.570.000		7.570.000
	+ TK 531 (SN)	12.697.262		12.697.262	-		4.500.000					4.500.000		(4.500.000)			8.197.262		8.197.262
	+ TK 531 (DV)	-		-			-					-		-			-		-
5.4	- Quỹ DP ổn định thu nhập	-	-	-	410.993.909		-					-		410.993.909			410.993.909	-	410.993.909
	+ Ngân sách	-		0	410.993.909									410.993.909			410.993.909	0	410.993.909
	+ Khác	-												-			-		
	+ TK 531 (SN)	-												-			-		
	+ TK 531 (DV)	-												-			-		
6	Nguồn cải cách tiền lương	152.894.723	-	152.894.723	208.433.768		140.232.696						-	221.095.795			221.095.795		221.095.795
	- Học phí	24.495.042	0	24.495.042	193.161.718		140.232.696				140.232.696			77.424.064			77.424.064		77.424.064
	- Thu hoạt động sản xuất kinh doanh	128.399.681	0	128.399.681	15.272.050									143.671.731			143.671.731		143.671.731
	- Hoạt động tài chính	-												-			-		

Người lập bảng

Nguyễn Thị Bích Trâm



Quận 1, ngày 14 tháng 06 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Ngô Thị Ngọc Bắc